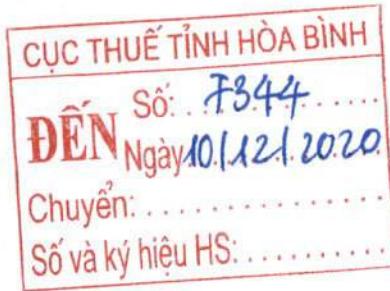


BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ

Số: 5220 /TCT-CS
V/v chính sách thuế



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 08 tháng 12 năm 2020.

Kính gửi:

- Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thuế tỉnh Quảng Bình;
- Cục Thuế tỉnh Hòa Bình;
- Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long;
- Cục Thuế tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thuế tỉnh Kiên Giang;
- Cục Thuế tỉnh Bắc Giang;
- Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 2087/CT-TTHT ngày 21/11/2020 của Cục Thuế tỉnh Đồng Tháp, công văn số 8452/CT-TTHT ngày 9/9/2020 của Cục Thuế tỉnh Đồng Nai, công văn số 747/CT-KK ngày 1/9/2020 của Cục Thuế tỉnh Kiên Giang, công văn số 30/TTr-CT ngày 25/9/2020 của Cục Thuế thành phố Hồ Chí Minh, công văn số 2277/CT-TTHT ngày 28/8/2020 của Cục Thuế tỉnh Quảng Bình, công văn số 5190/CT-TTHT ngày 21/8/2020 của Cục Thuế tỉnh Hòa Bình, công văn số 685/CT-TTHT ngày 13/8/2020 của Cục Thuế tỉnh Vĩnh Long và công văn số 4673/CT-TTHT ngày 25/8/2020 của Cục Thuế tỉnh Bắc Giang về chính sách thuế GTGT đối với phần phí để lại cho tổ chức cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Tại Điều 3, Điều 8, Điều 9 và Điều 11 Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 5/5/2020 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với nước thải:

“Điều 3. Tổ chức thu phí

Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải gồm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp của các cơ sở thuộc diện quản lý trên địa bàn. Căn cứ tình hình thực tế quản lý, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của các cơ sở trên địa bàn.

2. Tổ chức cung cấp nước sạch thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nguồn nước sạch do mình cung cấp.

3. Ủy ban nhân dân phường, thị trấn thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn tự khai thác nước để sử dụng."

Điều 8. Kê khai, thẩm định tờ khai và nộp phí

1. Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

a) Trường hợp sử dụng nước từ tổ chức cung cấp nước sạch

- Người nộp phí thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt cùng với thanh toán tiền sử dụng nước sạch theo hóa đơn bán hàng cho tổ chức cung cấp nước sạch.

- Tổ chức thu phí thực hiện:

+ Mở tài khoản "Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt" tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Mở sổ sách kế toán theo dõi riêng số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; không hạch toán vào doanh thu hoạt động kinh doanh số tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt phải nộp ngân sách nhà nước.

+ Hàng tuần, nộp số thu phí thu được vào tài khoản tạm thu phí. Hàng tháng, chậm nhất là ngày 20 của tháng tiếp theo, tổ chức thu phí nộp số tiền phí trên tài khoản tạm thu phí vào ngân sách nhà nước theo quy định.

+ Tổ chức thu phí kê khai, nộp số tiền phí thu được theo tháng, quyết toán năm với cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế.

b) Trường hợp tự khai thác nước để sử dụng

- Hàng quý, người nộp phí kê khai phí (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định này) với Ủy ban nhân dân phường, thị trấn và nộp phí vào tài khoản "Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt" của Ủy ban nhân dân phường, thị trấn mở tại Kho bạc Nhà nước chậm nhất là ngày 20 tháng đầu tiên của quý tiếp theo. Căn cứ khai, nộp phí là số lượng nước tự khai thác sử dụng trong quý, giá bán nước sạch và mức phí theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này.

Người nộp phí phải nộp đủ số phí bổ sung theo Thông báo của tổ chức thu phí quy định tại điểm này (nếu có) trong thời gian 10 ngày kể từ khi có Thông báo.

- Tổ chức thu phí thực hiện:

+ Thẩm định Tờ khai phí, trường hợp không đúng với thực tế thì ra Thông báo nộp bổ sung hoặc điều chỉnh giảm số phí phải nộp vào kỳ nộp phí tiếp theo.

+ Mở tài khoản "Tạm thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp" tại Kho bạc Nhà nước trên địa bàn. Mở sổ sách kế toán để theo dõi riêng tiền phí bảo vệ môi trường thu được, theo dõi và quản lý, sử dụng phần tiền phí để lại theo khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

+ Hàng quý, chậm nhất là ngày cuối cùng tháng thứ hai của quý tiếp theo, tổ chức thu phí kê khai số phí bảo vệ môi trường thu được gửi cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế và nộp tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo tỷ lệ quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định này.

+ Hàng năm, thực hiện quyết toán phí bảo vệ môi trường với cơ quan thuế theo quy định pháp luật về quản lý thuế trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày 01 tháng 01 năm tiếp theo.

c) Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán số tiền thu phí bảo vệ môi trường do tổ chức thu phí nộp vào chương mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước theo quy định.'

"Điều 9. Quản lý và sử dụng phí

1. Đối với nước thải sinh hoạt

a) Đẻ lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho tổ chức cung cấp nước sạch ...

b) Số tiền phí được đẻ lại là doanh thu của tổ chức cung cấp nước sạch. Tổ chức cung cấp nước sạch kê khai, nộp thuế (thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp) theo quy định pháp luật về thuế và quyết định việc quản lý, sử dụng tiền phí đẻ lại (không phải thực hiện chuyển nguồn theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí)."

"Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020. Thay thế Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

2. Các địa phương (hoặc khu đô thị) triển khai thực hiện thu giá dịch vụ thoát nước theo quy định tại Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải thì không thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải theo quy định tại Nghị định này."

2. Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng:

+ Tại Điều 6 và Điều 7 hướng dẫn về căn cứ tính thuế và giá tính thuế:

"Điều 6. Căn cứ tính thuế

Căn cứ tính thuế giá trị gia tăng là giá tính thuế và thuế suất.

Điều 7. Giá tính thuế

1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế GTGT. Đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế GTGT.

Đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa vừa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, vừa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng.”

+ Tại Điều 11 hướng dẫn về thuế suất 10% như sau:

“Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và hướng dẫn về thuế suất thuế GTGT 5 % Thông tư này.

...

Cơ sở kinh doanh nhiều loại hàng hóa, dịch vụ có mức thuế suất GTGT khác nhau phải khai thuế GTGT theo từng mức thuế suất quy định đối với từng loại hàng hóa, dịch vụ; nếu cơ sở kinh doanh không xác định theo từng mức thuế suất thì phải tính và nộp thuế theo mức thuế suất cao nhất của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở sản xuất, kinh doanh.”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp các Công ty cung cấp nước sạch được UBND tỉnh giao thu tiền phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng nguồn nước sạch thông qua hóa đơn tiền nước và được đẻ lại 10% trên tổng số tiền phí bảo vệ môi trường thu được cho Công ty cung cấp nước sạch, phần còn lại nộp ngân sách Nhà nước thì số tiền phí được đẻ lại là doanh thu đã có thuế GTGT, Công ty căn cứ số tiền phí được đẻ lại xác định giá chưa có thuế GTGT để kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định.

Tổng cục Thuế trả lời đẻ các Cục Thuế được biết /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo BTC (để báo cáo);
- Vụ PC, CST (BTC);
- Vụ Pháp chế (TCT);
- Lưu: VT, CS(3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Đặng Ngọc Minh